TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Song- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị T, sinh năm 1973. Hộ khẩu thường trú: Tổ D, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Tổ B, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Quang T1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Quang T1 vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng bà chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bà bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông T1 thường

xuyên uống rượu, đánh đập bà nhiều lần, còn thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vợ chồng bà đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Bà và ông T1 đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về nuôi con chung: Bà và ông T1 có ba con chung là Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm 1994, Nguyễn Quang S, sinh năm 1996 và Nguyễn Quang D, sinh ngày 12-07-2011. Cháu H và cháu S đã trưởng thành, bà giao cháu D cho ông T1 nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện X, nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20-07-2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Trích lục kết hôn hôn số 683/TLKH-BS ngày 14-10-2022, số đăng ký kết hôn là 135/2015 ngày 20-7-2015, nên đây là quan hệ hôn nhân

hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà T và ông T1 chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông T1 thường xuyên uống rượu, đánh đập bà T nhiều lần, còn thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vợ chồng bà đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Bà T và ông T1 đã ly thân từ năm 2019, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T1.

Ông T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt cho thấy ông T1 không có thiện chí muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 thể hiện: Bà T và ông T1 hiện nay đang cư trú tại ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong thời gian chung sống bà T và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không rõ, chỉ biết thông tin hiện nay bà T và ông T1 đã sống ly thân và bà T đang nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 ba con chung là Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm 1994, Nguyễn Quang S, sinh năm 1996 và Nguyễn Quang D, sinh ngày 12-07-2011.

Cháu H và cháu S đã trưởng thành, bà T giao cháu D cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Dương s với cha và nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục sống với cha. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu D cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông T1 vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và không gửi văn bản ý kiến về việc giải quyết vụ án, nên dành quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T1 khi có yêu cầu.

[2.3] Về chia tài sản: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị T ly hôn ông Nguyễn Quang T1.

2. Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 ba con chung là Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm 1994, Nguyễn Quang S, sinh năm 1996 và Nguyễn Quang D, sinh ngày 12-07-2011.

Cháu H và cháu S đã trưởng thành, giao cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 12-7-2011 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 001137 ngày 17-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- CCTHADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thảo Sương